



## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tài liệu có trong hồ sơ vụ án người khởi kiện ông Nguyễn Sỹ A, bà Nguyễn Thị N, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Ngọc Q trình bày:*

Năm 1995, Ông được Đội 8 Công ty Y - Binh đoàn 15 giao cho 01 lô đất có diện tích khoảng 1.133m<sup>2</sup> (ngang 27m, dài 42m) tại thôn I, xã I1, huyện Đ để xây dựng nhà ở và làm vườn. Đến năm 1996, Ông lấy vợ và xây dựng 01 nhà gỗ trên phần đất gần hàng rào nhà bà Dương Thị M, phần đất còn lại trồng khoảng 250 trụ tiêu (hiện nay tiêu đã chết chỉ còn lại trụ trên đất). Năm 2000, vợ chồng ông kê khai xin cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất đang sử dụng, do sợ phải nộp nhiều tiền thuế đất nên vợ chồng ông chỉ kê khai một phần đất có diện tích 533m<sup>2</sup> (trong tổng số 1.133m<sup>2</sup> đã được Đội 8 Công ty Y giao trước đây) phần diện tích còn lại sẽ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau. Đến ngày 24/4/2001, vợ chồng ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 601970 đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ số 52, diện tích 533m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở và 133m<sup>2</sup> đất vườn) tại xã I1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Năm 2005, vợ chồng ông xây dựng thêm một nhà ở cấp 4 diện tích khoảng 200 m<sup>2</sup> bên cạnh nhà cũ, sau đó xây tường rào bằng gạch cao 2 mét bao quanh toàn bộ diện tích 1.133 m<sup>2</sup> đất mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng. Thời điểm này, gia đình bà Dương Thị M biết rõ việc xây dựng nhưng không có ý kiến gì, ông Dương Minh Q2 (*chồng bà M*) đã cùng vợ chồng ông căng dây xác định ranh giới đất giữa hai nhà để xây dựng tường rào như hiện trạng bây giờ.

Năm 2012, ông bà xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích còn lại là 504 m<sup>2</sup> (*sau khi đã trừ chỉ giới đường*) và đã được gia đình bà M ký giáp ranh tứ cận thửa đất không tranh chấp, tuy nhiên, trong một thời gian dài gia đình ông vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận. Đến năm 2017, ông bà tiếp tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết phần diện tích đất mà vợ chồng ông sử dụng từ năm 1995 đến nay đã bị Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp nhầm cho vợ chồng ông Dương Minh Q2, bà Dương Thị M (*theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 601005 do Ủy ban nhân huyện Đ cấp ngày 24/4/2001*).

Sau khi biết sự việc trên, vợ chồng ông đã có Đơn kiến nghị và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ trả lời bằng Báo cáo số: 177/BC-TNMT với nội dung: “...*Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Minh Q2, bà Dương Thị M tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 52, diện tích 504 m<sup>2</sup> là không đúng đối tượng sử dụng đất, đối tượng sử dụng đất là ông Nguyễn Sỹ A. ...*”

Ngày 14/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định số: 3323/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Dương Minh Q2. Lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng đối tượng (*01 thửa đất cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

Ngày 10/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định số: 977/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 52 đã cấp cho hộ ông (bà) Dương Minh Q2, địa chỉ: Thôn I, xã I1, huyện Đ. Lý do thu hồi: thửa đất số 84, tờ bản đồ số 52, diện tích 504 m<sup>2</sup> cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, quy định tại Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013.

Sau khi có các văn bản pháp lý trên, Ông Bà chuẩn bị làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất đang quản lý thì ngày 20/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ lại ban hành Quyết định số 1770/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Việc hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ dẫn đến việc bà Dương Thị M cho rằng Giấy chứng nhận cấp cho bà M là đúng và tiếp tục tranh chấp đất đai với gia đình ông bà.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà, Ông Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật: Hủy bỏ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai là ông Trần Ngọc Phận và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là ông Lê Bá Nam đều trình bày:*

Ngày 10/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 977/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông (bà) Dương Minh Q2 (vợ là bà Dương Thị M) thửa đất số 84, tờ bản đồ số 52, tại xã I1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Tuy nhiên, việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013, điểm b khoản 56 Điều 2, Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. Theo đó, ngày 20/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Do đó, Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân

huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là đúng quy định.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện Đ không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M Trình bày:*

Ông Nguyễn Sỹ A yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là hoàn toàn vô căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Diện tích đất mà ông Nguyễn Sỹ A, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là đất của gia đình bà cho ông A mượn nên Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ không hề liên quan đến ông A, không xâm phạm đến quyền sở hữu của ông A, vì ông A không phải là chủ sở hữu thửa đất trên. Quyết định này được xem xét ban hành trên cơ sở kiến nghị của gia đình bà, liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Vì vậy, ông A không có quyền yêu cầu hủy Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông A, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

**Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 04/2020/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, 194, 204, 206 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ A và bà Nguyễn Thị N về yêu cầu hủy Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân

huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2020 ông Nguyễn Sỹ A, bà Nguyễn Thị N – người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện ông Nguyễn Sỹ A, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án sửa toàn bộ án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông, Bà.

- Người đại diện theo pháp luật người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ tại Văn bản số 2551/UBND-Nc ngày 7/12/2020 có ý kiến: Ủy ban nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại phiên xét xử sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

- Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án phúc thẩm chấp hành đúng đầy đủ pháp luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông A bà N là đúng, Ông Bà kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới khác do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ A, bà Nguyễn Thị N, thấy: Ngày 10/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định số 977/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông (bà): Dương Minh Q2 (vợ là bà Dương Thị M) thửa đất số 84, tờ bản đồ số 52, xã I1, huyện Đ. Tuy nhiên, việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013, điểm b khoản 56 Điều 2, Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; cụ thể là chưa thông báo cho ông Q2 bà M biết rõ lý do thu hồi, để gia đình bà M thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật; do đó, Ủy ban nhân

dân huyện Đ đã ban hành quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là có căn cứ.

[2] Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu của người khởi kiện ông A và bà N hủy Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là có căn cứ đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông A, bà N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông A, bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm ông Nguyễn Sỹ A và bà Nguyễn Thị N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Sỹ A và bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ A và bà Nguyễn Thị N về yêu cầu hủy Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai v/v hủy bỏ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ

Án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Sỹ A và bà Nguyễn Thị N phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008110 ngày 21/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Sỹ A và bà Nguyễn Thị N

phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0011607 ngày 24/ 9 /2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Ông Nguyễn Sỹ A và bà Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các thẩm phán**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Phạm Việt Cường      Nguyễn Tấn Trường**

**Trương Minh Tuấn**